

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56 /2018/DS-PT.

Ngày 01/8/2018.

V/v : "Tranh chấp quyền sử dụng đất "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Ông Nguyễn Gia Lương

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn– Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2018/TLPT- DS ngày 26/3/2018 Về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất" do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2018/QĐ-PT ngày 14/5/2018 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐ-PT ngày 22/5/2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/QĐ-PT ngày 20/6/2018; thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 11/2018/TB-TA ngày 20/7/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn H1, sinh năm 1956 (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Dương Văn C1, sinh năm 1964 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Phố CD, thị trấn CG, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Dương Thị D1, sinh năm 1971 (Có mặt)

3.2. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

3.3. Anh Dương Quang Kh1, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

3.4. Anh Dương Văn H2, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Phố CD, thị trấn CG, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

3.5. UBND thị trấn CG, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Vũ Thành N - Cán bộ địa chính thị trấn CG đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.6. Ủy ban nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Văn Q - Phó trưởng Phòng Tài nguyên & Môi trường - đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Dương Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là ông Dương Văn H1 trình bày: Nguồn gốc diện tích đất hiện nay ông đang sử dụng từ năm 1982 do Hợp tác xã nông nghiệp bỏ hoang nên gia đình ông khai phá canh tác trồng sắn, khoai hoa màu, khi đó phía bên trong gia đình ông Th ở, còn khu vực nhà ông canh tác là ruộng của Hợp tác xã sau đó các hộ dân mới khai phá gồm nhà ông, của cụ Dương Văn T (bố đẻ ông H1) có hai thửa 400 và 401, ông S thửa 396b, ông K - L thửa 395, nhà bà ThB thửa 396a. Sau đó đến những năm 1990 cụ T cho ông thửa 401, cho ông Dương Văn Kh (đã chết) thửa 400 (ông Kh đã bán cho ông Dương Văn Th); ông S và ông K có chuyển nhượng cho ông C1. Khi này giữa các thửa đất có bờ ruộng để phân định thửa này và thửa khác đến năm 1990 sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông Kh thì ông Th mới đi trên bờ ruộng tiếp giáp giữa hai thửa 400 và 401 để đi vào nhà, vì đường bờ ruộng nhỏ khoảng 50cm do Th là chú ruột ông nên ông có cho ông Th một phần đất để ông Th mở rộng con đường vào nhà, chiều rộng khoảng từ 1,5m đến 1,8m. Đến bản đồ năm 1992 đã thể hiện con đường này. Trước năm 1992 do khu vực đó là đất bãi nên có thể đi nhiều đường vào bãi đất nhà ông, ông đi đường giáp ruộng nhà ông S và ruộng nhà ông K, sau năm 1992 gia đình ông đi cùng với gia đình nhà cụ Th đến khi xảy ra tranh chấp với ông C1. Năm 1998 gia đình ông đòi cho ông C1 chiều dài khoảng 10m chiều rộng 30cm để mở rộng con đường đi. Năm 2003 gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2402,8m² đất vườn. Hiện nay muốn vào nhà ông thì chỉ có thể đi bằng bờ ruộng ở cánh đồng, nên ông yêu cầu ông C1 trả lại ông con đường theo bản đồ năm 1992 và bản đồ năm 1998 thể hiện chiều dài từ đường bê tông đến hết thửa ruộng 401 và 400 chiều dài rộng và diện tích như biên bản thẩm định ngày 14/9/2017.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo bị đơn ông Dương Văn C1 trình bày: Diện tích đất vợ chồng ông đang sử dụng hiện nay cụ Dương Ngọc Th là bố vợ ông tặng cho vợ chồng ông sử dụng khoảng năm 1996, sau đó một thời gian ông mua thêm mảnh bãi của ông Đào Văn S ở phố CD khoảng gần 01 sào; mua của nhà K L phố BB diện tích 1 sào 10 thước và bãi ruộng màu 11 thước; khoảng những năm 1985 mua của ông Dương Ngọc Kh 1 sào đất đến năm 2003 gia đình ông được cấp lại sổ đỏ mới diện tích 5.061,6m² trong đó 200m² đất ở và 4861,6 m² đất vườn, gia đình tôi sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Về nguồn gốc con đường tranh chấp với ông Dương Văn H1, con đường này có từ thời cụ Dương Ngọc Th ở, khi ông ra ở năm 1988 đã thấy có con đường đi thẳng vào nhà ông đây là con đường đi thẳng từ đường bê tông vào thẳng nhà ông, con đường này chủ yếu là gia đình ông sử dụng ông H1 làm bãi cạnh nhà nên có đi nhờ con đường này. Đến năm 2014 gia đình ông không đi con đường này mà đi đường khác rìa suối. Khi ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì con đường này nằm trong diện tích gia đình nhà ông. Đến nay ông H1 yêu cầu ông trả lại diện tích con đường ông không đồng ý.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thể hiện:

Bà Dương Thị D1: Về nguồn gốc diện tích đất này là của bố đẻ bà là cụ Dương Ngọc Th khai phá từ những năm 1970. Về nguồn gốc con đường này có từ những năm 1970 là bờ ruộng đi vào nhà bố bà, sau đó mới mở rộng và đổi đất một phần cho ông H1 vào năm 1998 chiều rộng khoảng 30cm chiều dài 10m, hình thành nên con đường gia đình bà sử dụng từ đó đến nay. Đến năm 2014 do nhu cầu thuận tiện đường đi nên gia đình bà đã chuyển chỗ khác nên xảy ra tranh chấp với ông H1. Con đường này ông H1 vẫn đi nhờ gia đình bà từ trước cho đến khi rào lại. Diện tích đất này trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà.

Bà Lê Thị N1: Bà là vợ của ông Dương Văn H1. Về nguồn gốc đất đang sử dụng hiện nay từ năm 1982 do Hợp tác xã nông nghiệp bỏ hoang nên gia đình bà khai phá đến năm 1985 UBND xã P X giao đất cho nhà bà cá thửa 401, 402, 404, 493 496 đến năm 2003 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2402.8m². Từ khi gia đình bà khai phá đến nay vẫn đi con đường chiều dài hơn 20m chiều rộng khoảng 3m bắt đầu từ đường bê tông vào đến đầu nhà ông Dương Văn C1, con đường này là đường đi vào nhà cụ Dương Ngọc Th là bố đẻ bà Dương Thị D1, theo bản đồ năm 1992 và bản đồ năm 1997 thì có thể hiện con đường đi này vào nhà bà D1 và nhà bà, con đường này chủ yếu là cụ Th và gia đình nhà bà đi còn bà con làng xóm không đi cùng. Gia đình bà đi từ năm 1982 đến năm 2011 thì xảy ra tranh chấp, nay bà yêu cầu buộc ông C1 trả lại con đường đi chiều dài khoảng hơn 20m chiều rộng khoảng 3m ông C1 đang sử dụng hiện trồng xoan.

Anh Dương Văn H2 trình bày: Từ khi anh sinh ra và lớn lên anh được biết trên diện tích đất bố mẹ anh đang ở có một con đường chạy vào nhà ông ngoại anh và nằm trong sổ đỏ diện tích gia đình anh được nhà nước cấp, anh không đồng ý với ý kiến ông H1 đòi lại đường đi.

Anh Dương Quang Kh1: anh là con trai của bà D1, ông C1 hiện nay anh ở chung với bố mẹ. Về nguồn gốc con đường đang tranh chấp với ông H1 từ nhỏ đến năm 2014 gia đình anh vẫn đi con đường mà ông H1 tranh chấp hiện nay còn đường có chiều rộng khoảng 2m kéo dài từ đầu ngõ vào trong nhà, con

đường này duy nhất gia đình anh sử dụng, ông H1 không đi con đường này. Nay ông H1 yêu cầu trả lại đường đi anh không đồng ý.

Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện YTh trình bày: Việc xác định chiều dài, chiều rộng của con đường đi vào thửa 403, bản đồ đo đạc năm 1992, chỉ có thể kiểm tra trên bản đồ và kết quả mang tính tương đối không thể xác định chính xác vì lý do bản đồ được đo vẽ theo phương pháp thủ công. Năm 2001, UBND thị trấn CG thiết lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các hộ gia đình cá nhân trong đó có hộ bà D1 thì việc xác định ranh giới, diện tích thửa đất được đo vẽ chỉnh lý theo hiện trạng sử dụng đất của các hộ để phục vụ công tác cấp Giấy chứng nhận. Do vậy nếu bản đồ địa chính đo đạc cấp Giấy chứng nhận năm 2001 đã không còn con đường đi như bản đồ năm 1992, 1998 và trên thực tế khi đó các hộ gia đình đã lấn chiếm con đường đi này từ trước để sử dụng vào mục đích khác (như trồng cây hoặc xây dựng công trình khác) thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ sử dụng có cả diện tích là con đường trước đây cần phải xem xét lại trước đây UBND thị trấn CG có xem xét xử lý theo quy định của pháp luật hay chưa. Nếu chưa xử lý thì việc lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà D1 là trái quy định của pháp luật. Đối chiếu giữa hiện trạng đất đai hiện nay như kết quả thẩm định của Tòa án với các bản đồ năm 1992, 1998 thì khu vực xảy ra tranh chấp giữa ông Dương Văn H1 và ông Dương Văn C1 trước đây có thể chỉ là phần đất trống, bỏ hoang hoặc là bờ của các thửa đất canh tác nông nghiệp liền kề và các hộ dân vẫn dùng để đi lại qua đó để vào canh tác sử dụng đất của mình.

UBND thị trấn CG trình bày: Năm 2001 thực hiện chủ trương của nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân, UBND thị trấn CG phối hợp trung tâm đo đạc 103 thực hiện đo đạc, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân. Ngày 22/9/2001 gia đình bà Dương Thị D1 đã đến tại phố CD để kê khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa số 4, tờ bản đồ số 9. Ngày 02/10/2002 Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn CG tổ chức họp xét đơn đăng ký của các hộ dân. Căn cứ danh sách trên UBND thị trấn CG đã lập hồ sơ trình UBND huyện YTh quyết định. Ngày 24/12/2003 UBND huyện YTh ra quyết định cấp Giấy chứng nhận cho các hộ dân, như vậy trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trong đó có hộ gia đình bà D1 là đúng quy định.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang. Xử:

Áp dụng Điều 163, Điều 164- Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 9, Điều 26; Điều 35; Điều 143, Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228; khoản 1, Điều 203; Điều 166; Điều 170- Luật đất đai; điểm đ, Khoản 1,

Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 2- Luật thi hành án dân sự:

- Bác yêu cầu khởi kiện đòi đường đi diện tích 87,4m² của ông Dương Văn H1 có tứ cận như sau:

Phía Nam: Tiếp giáp đất bà D1 chiều rộng 2m

Phía Tây: Giáp đất bà D1 dài 5.48m + 7.38m + 6,68m + 6,61m + 4,5m + 5.14m + 2.46m + 1,12m

Phía Bắc: giáp đường bê tông chiều rộng 2m

Phía Đông giáp phần đất ông H1 và đất bà D1 dài 5.28m + 6.98m + 6.28m + 6.18m + 4.3m + 5.34m + 2.72m + 1m + 1.11m + 4,8m.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/2/ 2018 nguyên đơn là ông Dương Văn H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Văn H1 là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn là ông Dương Văn H1 trình bày kháng cáo và đề nghị HĐXX xem xét giải quyết: Tôi không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm bác yêu cầu đòi đường đi đối với ông Dương Văn C1. Lý do vì đây là lối đi chung của tất cả cộng đồng dân cư đã hình thành từ rất lâu đời. Trong quá trình canh tác thì gia đình tôi có sử dụng diện tích đất đó để đi vào canh tác ở thửa đất của gia đình. Cùng sử dụng lối đi đó có gia đình nhà cụ Th là bố vợ của ông C1. Trong quá trình sử dụng tôi và ông C1 có thỏa thuận đổi 3m² đất (0,3mx10m) đất của thửa ruộng 401 của gia đình tôi lấy 3m² đất của thửa đất 494 của gia đình ông C1 để mở rộng đường đi. Việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho hộ gia đình tôi và gia đình nhà ông C1, bà D1 thì tôi có tham gia ký giáp ranh và không có khiếu nại thắc mắc gì. Tuy nhiên tôi không biết việc trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của hộ bà D1 có cả diện tích đất đường đi mà gia đình tôi đang sử dụng. Nay đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông C1, bà D1 trả cho gia đình tôi 87,4m² đất đường đi để gia đình tôi sử dụng đi vào thửa đất của gia đình, phục vụ thuận tiện cho việc canh tác.

Bị đơn là ông Dương Văn C1 trình bày: Về nguồn gốc lối đi mà ông H1 khởi kiện có từ lâu đời khi Hợp tác xã còn quản lý ruộng đất, khu vực đó chỉ có hộ cụ Th là bố vợ tôi sử dụng. Lối đi đó sử dụng cho gia đình tôi là chính, gia đình ông H1 có đi nhờ vào lối đi của gia đình tôi. Khi cụ Th chết tôi còn phải

đổi đất của ông H1 để mở rộng đường cho xe tang chở cụ Th đi chôn cất. Diện tích đất đổi cho ông H1 có chiều rộng 03m, chiều dài 10m chạy dọc theo đường đi của gia đình tôi và giáp với thửa đất ruộng của nhà ông H1(thửa đất số 401). Trong quá trình sử dụng sau đó tôi có nhận chuyển nhượng lại diện tích đất của một số hộ gia đình như nhà ông Kh, ông S, ông K và chuyển lối đi sang vị trí khác cho thuận tiện sinh hoạt. Khi chính quyền làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhập các thửa đất nhỏ của gia đình tôi lại thành một thửa có diện tích lớn hơn 5000m² như bây giờ. Việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại địa phương không có ai khiếu nại hay thắc mắc gì. Do canh tác sợ bị súc vật phá hoại hoa màu nên gia đình tôi có xây tường bao xung quanh diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ thì bị gia đình nhà ông H1 làm đơn khởi kiện. Gia đình tôi không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H1 vì ngoài lối đi nhờ qua đất của gia đình tôi thì còn có nhiều lối đi khác vào thửa ruộng của gia đình ông H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị D1 trình bày: Tôi nhất trí với nội dung mà ông C1 trình bày. Gia đình tôi không chấp nhận nội dung khởi kiện và kháng cáo của ông H1 về việc đòi gia đình tôi diện tích 87, 4 m² đất để làm lối đi vào thửa đất nhà ông ấy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Cấp sơ thẩm điều tra thu thập chứng cứ không đầy đủ dẫn đến quyết định bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ pháp lý. Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm để điều tra xác minh lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: ông Dương Văn H1 Đơn làm đơn kháng cáo và nộp cho Tòa án nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; ông Dương Văn H1 thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó kháng

cáo của ông Dương Văn H1 là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt, HĐXX thấy những người này đã có bản tự khai và quan điểm trong hồ sơ vụ án. Do đó sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật tại khoản 3, Điều 296- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt những người này.

[3]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp quyền sử dụng đất” và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện YTh là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn là ông Dương Văn H1: căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, HĐXX thấy:

[4.1]. Về diện tích đất 87,4 m² ông Dương Văn H1 đòi ông Dương Văn C1 trả để làm đường đi:

- Theo ông Dương Văn H1 trình bày thì nguồn gốc diện tích đất hiện nay đang tranh chấp là do gia đình ông sử dụng từ năm 1982. Do Hợp tác xã nông nghiệp bỏ hoang ruộng đất nên gia đình ông khai phá canh tác trồng sắn, khoai hoa màu. Khi đó phía bên trong có thửa đất có gia đình cụ Th đang ở, còn khu vực nhà ông canh tác là ruộng của Hợp tác xã sau đó các hộ dân mới khai phá và sử dụng. Tại bản đồ năm 1992 đã thể hiện có con đường này. Trước năm 1992 do khu vực đó là đất bãi nên có thể đi nhiều đường đi vào bãi đất nhà ông, ông đi đường giáp ruộng nhà ông S và ruộng nhà ông K. Sau năm 1992 gia đình ông đi cùng với gia đình nhà cụ Th và sử dụng đến khi xảy ra tranh chấp với ông C1. Năm 1998 gia đình ông H1 đổi đất cho ông C1 chiều dài khoảng 10m chiều rộng 30cm để mở rộng con đường đi chung. Năm 2003 gia đình ông H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2402,8m² đất vườn nhưng ông không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về diện tích đang tranh chấp là đường đi.

- Theo ông Dương Văn C1, bà Dương Thị D1 trình bày thì nguồn gốc diện tích đất đang có tranh chấp là của bố đẻ bà D1 là cụ Dương Ngọc Th khai phá từ những năm 1970, con đường này khi đó là bờ ruộng nhỏ đi vào nhà cụ Th và chỉ do một mình gia đình cụ Th sử dụng. Trong quá trình sử dụng gia đình ông C1 mới mở rộng đường đi và đổi đất một phần đất cho ông H1 vào năm 1998 (với chiều rộng khoảng 30cm, chiều dài 10m) để hình thành nên con đường rộng rãi cho gia đình sử dụng. Sau đó gia đình bà D1 có nhận chuyển nhượng lại diện tích đất của một số hộ gia đình như nhà ông Kh, ông S, ông K và chuyển lối đi sang vị trí khác cho thuận tiện sinh hoạt. Khi chính quyền làm Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất đã nhập các thửa đất nhỏ của gia đình tôi lại thành một thửa có diện tích lớn hơn 5000m² như bây giờ. Việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại địa phương không có ai khiếu nại hay thắc mắc gì.

Theo quan điểm của UBND thị trấn CG thì: Năm 2001, UBND thị trấn CG thiết lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các hộ gia đình cá nhân trong đó có hộ bà D1 thì việc xác định ranh giới, diện tích thửa đất được đo vẽ chỉnh lý theo hiện trạng sử dụng đất của các hộ để phục vụ công tác cấp Giấy chứng nhận. Bản đồ địa chính đo đạc cấp Giấy chứng nhận năm 2001 đã không còn con đường đi như bản đồ năm 1992, 1998 và trên thực tế khi đó các hộ gia đình đã lấn chiếm con đường đi này từ trước để sử dụng vào mục đích khác. Đối chiếu giữa hiện trạng đất đai hiện nay như kết quả thẩm định của Tòa án với các bản đồ năm 1992, 1998 thì khu vực xảy ra tranh chấp giữa hai gia đình ông Dương Văn H1 và ông Dương Văn C1 trước đây có thể chỉ là phần đất trống, bỏ hoang hoặc là bờ của các thửa đất canh tác nông nghiệp liền kề và các hộ dân vẫn dùng để đi lại qua đó để vào canh tác sử dụng đất của mình. Ngày 22/9/2001 gia đình bà Dương Thị D1 đã kê khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa số 4, tờ bản đồ số 9. Ngày 02/10/2002, Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn CG tổ chức họp xét đơn đăng ký của các hộ dân. Căn cứ danh sách trên UBND thị trấn CG đã lập hồ sơ trình UBND huyện YTh quyết định. Ngày 24/12/2003 UBND huyện YTh ra quyết định cấp Giấy chứng nhận cho các hộ dân, như vậy trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trong đó có hộ bà D1 là đúng quy định.

Như vậy, có thể thấy diện tích đất các hộ đang tranh chấp là diện tích đất bỏ hoang, sau này được các hộ dân sinh sống cùng khai hoang sử dụng. Năm 1970 đã được cụ Dương Ngọc Th khai phá sử dụng trước, sau đó mới mở rộng và đã đổi đất một phần đất cho gia đình ông H1 vào năm 1998 với chiều rộng khoảng 30cm, chiều dài 10m, hình thành nên con đường gia đình cụ Th và sau này là gia đình ông C1, bà D1 (là con gái, con rể cụ Th) sử dụng làm lối đi vào nhà. Mặt khác, năm 2001 khi cơ quan có thẩm quyền đo đạc hiện trạng và thực tế sử dụng diện tích đất 87,4m² đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ bà Dương Thị D1, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Ông Dương Văn H1 có được ký giáp ranh về diện tích sử dụng đất thực tế. Sau khi nhận Giấy chứng nhận QSDĐ ông Dương Văn H1 cũng không có ý kiến khiếu nại, thắc mắc gì.

Từ những nội dung trên án sơ thẩm nhận định ông Dương Văn H1 không có căn cứ khởi kiện và bác yêu cầu của ông Dương Văn H1 đòi quyền sử dụng diện tích đất 87,4m² đất đối với ông Dương Văn C1 là có căn cứ.

[4.2]. Trong quá trình xét xử phúc thẩm ông Dương Văn H1 cũng thừa nhận diện tích đất mà hai hộ đang tranh chấp không phải đất nằm trong giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho gia đình ông mà nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông C1, bà Dân. Ngoài các chứng cứ tài liệu đã cung cấp thì ông H1 cũng không có tài liệu nào khác chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ trong quá trình xét xử phúc thẩm cũng thể hiện ngoài diện tích đất ông H1 đang tranh chấp làm lối đi thì cũng có lối đi khác đi đến thửa đất của gia đình ông H1 canh tác. Ông Dương Văn H1 đã được Tòa án giải thích về quyền khởi kiện mở lối đi qua bất động sản liền kề nhưng không có yêu cầu khởi kiện nên Tòa án không xem xét giải quyết là có căn cứ. Do vậy, HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn H1 về việc buộc ông Dương Văn C1 phải trả lại cho ông Dương Văn H1 diện tích đất 87,4m² để sử dụng làm lối đi.

Đối với quan điểm của Viện kiểm sát về việc hủy án sơ thẩm điều tra lại là không cần thiết vì trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã tiến hành các hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ đầy đủ.

Từ những nội dung trên, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308- Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

[5]. Về chi phí tố tụng:

[5.1]. Về chi phí thẩm định, định giá:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H1 không được chấp nhận nên ông H1 phải chịu 7.000.000 đồng chi phí thẩm định, định giá ở giai đoạn sơ thẩm và 500.000 đồng chi phí thẩm định ở giai đoạn xét xử phúc thẩm. Xác nhận ông H1 đã chi phí các khoản tiền trên.

- Bà Dương Thị D1 phải chịu 500.000 đồng chi phí thẩm định lại ở giai đoạn xét xử sơ thẩm, xác nhận bà D1 đã chi phí khoản tiền trên.

[5.2]. Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H1 không được chấp nhận nên ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên do ông H1 là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên căn cứ quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí sơ thẩm cho ông H1. Trả lại ông H1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[5.3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông H1 không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Dương Văn H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử vụ án ông Dương Văn H1 là người cao tuổi nên căn cứ quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí phúc thẩm cho ông H1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 163; Điều 164- Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 9, Điều 26; Điều 35; Điều 143, Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 148; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228; khoản 1, Điều 308 – Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 203; Điều 166; Điều 170- Luật đất đai; điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2- Luật thi hành án dân sự. Xử:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn H1 về việc đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông C1 trả 87,4m² đất đường đi. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang .

[2]. Bác yêu cầu khởi kiện đòi đường đi có diện tích 87,4m² đất của ông Dương Văn H1 đối với ông Dương Văn C1, cụ thể có tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Nam: Tiếp giáp đất hộ bà D1 có chiều rộng là 2m.

+ Phía Tây: Giáp đất bà D1 có chiều dài là đường gấp khúc dài 5.48m + 7.38m + 6,68m + 6,61m + 4,5m + 5.14m + 2.46m + 1,12m.

+ Phía Bắc: giáp đường bê tông có chiều rộng là 2m.

+ Phía Đông giáp phần đất ông H1 và đất bà D1 dài có chiều dài là đường gấp khúc 5.28m + 6.98m + 6.28m + 6.18m + 4.3m + 5.34m + 2.72m + 1m + 1.11m + 4,8m.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

[3]. Về chi phí tố tụng:

[3.1]. Về chi phí thẩm định, định giá:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H1 không được chấp nhận nên ông H1 phải chịu 7.000.000 đồng chi phí thẩm định, định giá ở giai đoạn sơ thẩm và 500.000 đồng chi phí thẩm định ở giai đoạn xét xử phúc thẩm. Xác nhận ông H1 đã chi phí các khoản tiền trên.

- Bà Dương Thị D1 phải chịu 500.000 đồng chi phí thẩm định lại ở giai đoạn xét xử sơ thẩm, xác nhận bà D1 đã chi phí khoản tiền trên.

[3.2]. Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H1 không được chấp nhận nên ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên do ông H1 là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên căn cứ quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí sơ thẩm cho ông H1. Trả lại ông H1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[3.3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông H1 không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Dương Văn H1 phải chịu án phí dân

sự phúc thẩm. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử vụ án ông Dương Văn H1 là người cao tuổi nên căn cứ quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông H1.

[4]. Các vấn đề khác:

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện YTh;
- Chi cục THADS huyện YTh;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện YTh;
- Chi cục THADS huyện YTh;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện